**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN GIAO THỦY**
**TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 53/2020/HS-ST
Ngày: 03-6-2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Ngọc Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Cao Thượng;

Ông Lê Thanh Giang.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Trường - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/ QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Th; sinh năm 1958 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 1/10; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Lê Văn Thạch và bà Phùng Thị Ran; có vợ là Vũ Thị Cậy và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-02-2020 ngày 18- 3- 2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. Phùng Như Y; sinh ngày 25-10-1970 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Phùng Hữu Chiêm và bà Roãn Thị Ngải; có vợ là Trần Thị Bảy và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt,tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

3. Lê Văn L; sinh ngày 01-02-1972 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con Lê Văn Năm và bà Trần Thị Hợi; có vợ là Phạm Thị Nhường và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. Phạm Văn Q; sinh năm 1980 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con Phạm Xuân Toan và bà Phùng Thị Nhiên; có vợ là Đặng Thị Phương và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

5. Phạm Văn H; sinh năm 1974 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con Phạm Xuân Hòa sinh và bà Đào Thị Hoan; có vợ là Phạm Thị Thêu và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

6. Phạm Bá D; sinh ngày 24-10-1987 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Phạm Văn Nhã và bà Bùi Thị Thoa; có vợ là Phạm Thị Giang và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

7. Nguyễn Nam N; sinh năm 1965 tại huyện A, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 14, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh An và bà Nguyễn Thị Huê; có vợ là Huỳnh Thị Phương và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09-02-2020, Lê Văn Th và Lê Văn L đi đám cưới rồi về nhà Th ngồi uống nước, cùng lúc đó có Phùng Như Y sang nhà Th chơi. Th nói "mưa gió anh em mình làm tý liêng", L và Y hiểu ý của Th là rủ đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền nên đều đồng ý. Th lấy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân ở quán tạp hóa nhà Th rồi dẫn Ý, L lên tầng hai ở gian ngoài cùng

nhà Th, cả ba ngồi xuống giường chơi liêng, thống nhất gà mỗi ván 20.000 đồng, tố cao nhất 100.000 đồng. Sau đó có Phạm Văn H, Nguyễn Nam N, Phạm Văn Q và Phạm Bá D đến nhà Th và tham gia chơi. Đến khoảng 17 giờ 30 phút khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang.

Các bị cáo khai nhận về số tiền đánh bạc: Lê Văn Th khai có 910.000 đồng dùng để đánh bạc; khi bị bắt thu giữ trên người 610.000 đồng. Phùng Như Y khai khi đi mang theo 3.700.000 đồng, trong đó bỏ ra 1.600.000 đồng để đánh bạc; khi bị bắt thu giữ trên người 2.100.000 đồng (Y khai không sử dụng số tiền trên đánh bạc). Lê Văn L khai khi đi mang theo 1.300.00 đồng sử dụng để đánh bạc; bỏ ra 450.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thu giữ trên người 850.000 đồng. Phạm Văn Q khai khi đi mang theo 1.350.000 đồng để sử dụng đánh bạc; khi bị bắt thu giữ trên người 1.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc. Phạm Văn H khai khi đi mang theo 300.000 đồng để đánh bạc. Phạm Bá D khai khi đi mang theo 200.000 đồng để sử dụng đánh bạc. Nguyễn Nam N khi đi mang theo 300.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng sử dụng để đánh bạc; khi bị bắt thu giữ trên người 200.000 đồng (Ninh khai không sử dụng số tiền trên vào việc đánh bạc).

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.290.000 đồng, 01 chiếu cói, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; thu giữ trên người các đối tượng 4.760.000 đồng (trong đó có 2.460.000 đồng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc); 280.000 đồng dưới chiếu bạc; ngoài ra còn thu giữ 10 chiếc điện thoại di động và 03 chiếc xe máy. Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà Th tổ công tác còn thu giữ 02 bộ chắn thần tài chưa qua sử dụng và.

Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 16-4-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nam Định đã truy tố Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nhất trí về cáo trạng đã truy tố và khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Văn Th và bị cáo Phùng Như Y mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Bá D và

Nguyễn Nam N mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.030.000 đồng, 02 điện thoại di động; tịch thu tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ, 02 bộ bài chắn và 01 chiếu cói.

Các bị cáo đều không tự bào chữa, tranh luận gì, tỏ rõ sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các liệu khác trong hồ sơ vụ án; từ đó, đã có đủ cơ sở xác định. Ngày 09-02-2020; tại nhà bị cáo Lê Văn Th ở xóm 14 xã B, huyện Giao Thủy; các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N đã cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức đánh liêng, với tổng số tiền đánh bạc là 10.030.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nam Định là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm nếp sống văn minh của xã hội. Tội phạm đánh bạc là một tệ nạn, là nguồn gốc làm phát sinh các loại tội phạm khác như các tội chiếm đoạt tài sản, ảnh hưởng xấu đến từng cá nhân, đến trật tự an toàn xã hội, hạnh phúc nhiều gia đình đã tan vỡ vì cờ bạc. Vì vậy, cần thiết phải đấu tranh mạnh mẽ, xử lý nghiêm.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, số tiền đánh bạc của mỗi bị cáo đều không lớn. Bị cáo Lê Văn Th khởi xướng việc đánh bạc, chuẩn bị dụng cụ đánh bạc và tham gia từ đầu nên có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án. Lê Văn L và Phùng Như Y tham gia ngay từ đầu nên cùng có vai trò thứ hai trong vụ án. Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Nam N, Phạm Văn Q và Phạm Bá D tham gia sau nên cùng có vai trò sau cùng trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về việc quyết định hình phạt:

[6.1] Từ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò đối với từng bị cáo như phân tích trên, kết hợp với xét đến tình hình tài sản của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn L và Phùng Như Y. Tuy nhiên các bị cáo này đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đối với Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N, phạm tội ít nghiêm trọng, có vai trò sau trong vụ án nên cũng không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N đều không có tài sản giá trị, nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo; miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[7] Về vật chứng, tài sản thu giữ:

[7.1] Số tiền 10.030.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và trên người các đối tượng khai nhận dùng vào việc đánh bạc. Vì vậy, căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7.2] Đối với 01 bộ tú lơ khơ, 01 chiếu cói và 02 bộ bài chắn thần tài các đối tượng sử dụng để đánh bạc và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[7.3] Số tài sản gồm 03 xe máy cơ quan điều tra thu giữ của Phạm Văn Q, Phùng Như Y và Lê Văn L. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung hợp nhất của của gia đình các bị cáo, khi các bị cáo sử dụng làm phương tiện đến nơi đánh bạc vợ các bị cáo không biết và 08 chiếc điện thoại di động, số tiền 2.300.000 đồng thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo. Cơ quan CSĐT huyện Giao Thủy đã trả lại tài sản trên cho các gia đình bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N phạm tội "Đánh bạc".

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Lê Văn Th 9 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án; (bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-02-2020 ngày 18-3-2020).

Xử phạt Phùng Như Y 6 (sáu) tháng tù , cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án; (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020).

Xử phạt Lê Văn L 6 (sáu) tháng tù , cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án; (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020).

Giao các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y và Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Phạm Văn Q 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ là 4 (bốn) ngày (từ 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020) bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Phạm Văn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ là 4 (bốn) ngày (từ 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020) bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Phạm Bá D 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ là 4 (bốn) ngày (từ 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020) bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Nguyễn Nam N 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ là 4 (bốn) ngày (từ 09-02-2020 đến ngày 12-02-2020) bằng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N.

Giao các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 10.030.000 đồng (mười triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), đã thu giữ theo Biên lai thu 0001240 ngày 17-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ tú lơ khơ, 02 bộ bài chắn thần tài và 01 chiếu cói.

(Vật chứng cụ thể được nêu theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

5. Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo Lê Văn Th, Phùng Như Y, Lê Văn L, Phạm Văn Q, Phạm Văn H, Phạm Bá D và Nguyễn Nam N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- các bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Duyên**